

SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH  
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hung Yên, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
Số: 141/2023/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic.

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.


Điện thoại: 0389948784.

Cho sản phẩm: Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt PREMIUM WEGOLD MILK DIABETS.

Sản xuất tại: Công ty cổ phần tập đoàn Medilife Việt Nam.

Địa chỉ: Khu bến Hàn, xã An Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn: QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm"; QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm"; QCVN 8-3:2012/BYT ngày 01/03/2012 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; Thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24/22/2014 của Bộ Y tế "Quy định về quản lý thực phẩm chức năng"; Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 14- PREMIUM WEGOLD MILK DIABETS/2023-TCSX.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố. 

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Website: [antoanthucphamhungyen.vn](http://antoanthucphamhungyen.vn);
- Lưu trữ: VP./.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Vũ Huy Kha**

SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH  
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 231/QĐ-ATTP

Hung Yên, ngày 14 tháng 08 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*


*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm đối với 06 sản phẩm thực phẩm của Công ty Cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic. Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (Có giấy tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm kèm theo).


**Điều 2.** Văn Phòng có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng, cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và cơ sở thực phẩm có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /-  


**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

  
**Vũ Huy Kha**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

*Số: 14 – PREMIUM WEGOLD MILK DIABETS/2023*

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Mã số doanh nghiệp: 0108117821

Ngày cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm Tỉnh Hưng Yên.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt PREMIUM WEGOLD MILK DIABETS (Dành cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường)**

**2. Thành phần trong 100g sản phẩm:**

Thành phần: Chất đường bột, Chất béo, Chất đạm, Isomalt, Chất xơ hòa tan (FOS), Lysine, Kali, Canxi Nano, Photpho, Clorid, Natri, Magie, Canxi Aquamin F (32%), Sữa non, Taurine, Vitamin C, Vitamin B8 (Inositol), Beta-glucan, Vitamin E, Sắt, Vitamin B3, Kẽm, Vitamin B5, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin A, Vitamin B1, Axit Folic, I-ốt, Selen, Biotin, Mangan, Vitamin D3, Vitamin B12. Hương sữa và hương vani dùng trong thực phẩm.

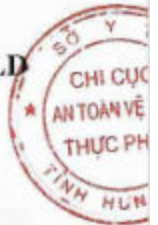
**3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe).**

**4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

**5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**5.1. Quy cách đóng gói**

- Đóng lon: 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon. Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g.



- Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

## **5.2. Chất liệu bao bì**

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (Polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

## **6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM

- Địa chỉ: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

## **III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu dự thảo nhãn sản phẩm)**

## **IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 về nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Bộ y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;
- Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Theo: QCVN 8-3:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất số: 14 – PREMIUM WEGOLD MILK DIABETS/2023-TCSX

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.



Hưng Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2023  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Tiêu*



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MEDILIFE  
VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### BẢN TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

Số: 14 – PREMIUM WEGOLD MILK DIABETS/2023-TCSX

Tên sản phẩm: Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt PREMIUM WEGOLD MILK DIABETS (Dành cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường)

#### 1. Tên, địa chỉ cơ sở công bố sản phẩm:

Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

#### 2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

- Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM

- Địa chỉ: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

#### 3. Chỉ tiêu cần quan:

TT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột, đồng nhất, không vón cục, không lẫn tạp chất lạ
2	Màu sắc	Từ màu trắng sữa đến vàng nhạt đồng đều
3	Mùi vị	Thơm ngon, đặc trưng của sản phẩm

#### 4. Thành phần trong 100g sản phẩm:

Thành phần: Chất đường bột, Chất béo, Chất đạm, Isomalt, Chất xơ hòa tan (FOS), Lysine, Kali, Canxi Nano, Photpho, Clorid, Natri, Magie, Canxi Aquamin F (32%), Sữa non, Taurine, Vitamin C, Vitamin B8 (Inositol), Beta-glucan, Vitamin E, Sắt, Vitamin B3, Kẽm, Vitamin B5, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin A, Vitamin B1, Axit Folic, I-ốt, Selen, Biotin, Mangan, Vitamin D3, Vitamin B12. Hương sữa và hương vani dùng trong thực phẩm.

#### 5. Chỉ tiêu chất lượng:



TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TRONG 100G
Năng lượng	Kcal/100g	437,06
Chất đạm	g/100g	10,6
Năng lượng từ đạm	Kcal/100g	42,4
Hydrat cacbon	g/100g	63,34
Năng lượng từ Hydrat cacbon	Kcal/100g	253,36
Chất béo	g/100g	15,7
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	141,3
Isomalt	g/100g	5,10
Sữa non	mcg/100g	30000
Chất xơ hòa tan (FOS)	g/100g	1,15
Beta-glucan	mg/100g	19
Lysine	mg/100g	500
Taurine	mg/100g	27
Vitamin A	IU/100g	990
Vitamin D3	IU/100g	180
Vitamin E	IU/100g	20
Vitamin C	mg/100g	26
Vitamin B1	mcg/100g	220
Vitamin B2	mcg/100g	330
Vitamin B5	mcg/100g	1450
Vitamin B6	mcg/100g	330
Vitamin B8 (Inositol)	mg/100g	25
Vitamin B12	mcg/100g	0,8
Vitamin B3	mg/100g	4,5
Axit Folic	mcg/100g	130
Biotin	mcg/100g	13
Canxi Nano	mg/100g	300
Canxi Aquamin F (32%)	mg/100g	32
Photpho	mg/100g	290
Magie	mg/100g	48

Sắt	mg/100g	5,9
Kẽm	mg/100g	3,2
Mangan	mcg/100g	4,75
Selen	mcg/100g	17
Natri	mg/100g	180
Kali	mg/100g	390
Clorid	mg/100g	220
I-ốt	mcg/100g	82

Hàm lượng thực tế tối thiểu đạt 80% so với giá trị được công bố.

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

## 6. Chỉ tiêu an toàn:

### 6.1. Giới hạn về độc tố vi nấm.

Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

### 6.2. Giới hạn về kim loại nặng.

Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

### 6.3. Giới hạn về vi sinh vật.

Theo: QCVN 8-3:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

### 6.4. Giới hạn về phụ gia thực phẩm.

Theo Thông tư 24/2019/TT-BYT của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

### 6.5. Giới hạn về Melamin.

Theo Quyết định 38/2008/QĐ-BYT ngày 11/12/2008 của Bộ Y tế Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

### 6.6. Các chỉ tiêu khác:



- Dư lượng thuốc thú y: Theo Thông tư 24/2013/TT-BYT của Bộ Y tế Ban hành quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Theo Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

#### 7. Đối tượng sử dụng:

Dành cho người già, người từ 18 tuổi trở lên, bị đái tháo đường, tiền đái tháo đường.

#### 8. Hướng dẫn sử dụng: Một muỗng gạt ngang (tương đương 9,8g) pha với 40ml nước:

Lượng bột (Thìa)	Lượng nước (ml)	Số lần ăn/24h
4	160	4

*Cách pha:*

- Rửa tay và các dụng cụ pha sữa thật kỹ bằng nước sạch
- Đun sôi nước và để nguội dần đến khoảng 40°C – 50°C
- Rửa dụng cụ bằng nước sôi thật kỹ ngay trước khi sử dụng
- Đổ lượng nước theo chỉ định vào bình
- Cứ mỗi 40ml nước cho vào 1 muỗng sữa
- Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi sữa bột tan hoàn toàn

*Thận trọng:* Pha xong dùng ngay. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Đổ bỏ phần thừa sau mỗi lần uống.

#### 9. Thời hạn sử dụng:

- 24 tháng kể từ ngày sản xuất, NSX và HSD xem ở đáy lon.

#### 10. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

##### 10.1. Quy cách đóng gói:

- Đóng lon: 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon. Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g.
- Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

##### 10.2. Chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (Polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

**11. Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản sản phẩm ở nơi khô sạch, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh. Đậy kín sau mỗi lần sử dụng.

**12. Lưu ý sử dụng:**

- Đóng nắp cẩn thận sau mỗi lần sử dụng tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm.
- Nên sử dụng sản phẩm trước khi hết hạn sử dụng và sử dụng hết trong vòng 4 tuần sau khi mở nắp lon.

Hung Yên, ngày 18 tháng 07 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Liễu*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
SẢN XUẤT**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KIỂM GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Văn Liễu*





**KT: 39.9 x 17.5 cm**

BẢNG THÔNG TIN DINH DƯỠNG				NUTRITION FACTS			
THÀNH PHẦN	ĐƠN VỊ ĐƠN	TRUNG BÌNH	ƯỚNG	ĐƠN VỊ ĐƠN	TRUNG BÌNH	ƯỚNG	PER 100g
Hàm lượng	g/100g	417,26	100%	Energy	g/100g	427,06	100%
Cholesterol	mg/100g	33,6	67%	Protein	g/100g	33,6	67%
Hàm lượng Lipid	g/100g	42,4	85%	Fiber	g/100g	42,4	85%
Protein	g/100g	42,4	85%	Sodium	mg/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin A	g/100g	42,4	85%	Calcium	g/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin B1	g/100g	42,4	85%	Iron	g/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin B2	g/100g	42,4	85%	Zinc	g/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin B3	g/100g	42,4	85%	Copper	g/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin B6	g/100g	42,4	85%	Magnesium	g/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin B12	g/100g	42,4	85%	Selenium	g/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin C	g/100g	42,4	85%	Phosphorus	g/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin E	g/100g	42,4	85%	Potassium	g/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin K	g/100g	42,4	85%	Sulfur	g/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin D	g/100g	42,4	85%	Chloride	g/100g	42,4	85%
Hàm lượng Vitamin F	g/100g	42,4	85%	Fluoride	g/100g	42,4	85%

Hàm lượng thực tế có thể chênh lệch 60% so với giá trị ghi trên nhãn



# Wegold milk

## PREMIUM

### DIABETS

Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt

ISO MALT Đường hấp thụ chậm, không làm tăng nhanh đường huyết

50g MALT



Khối lượng tịnh: 900g

sản phẩm dinh dưỡng dành cho người già, người từ 18 tuổi trở lên  
HÀNG ĐẦU THẠO ĐƯỢC, TIỀN ĐỀ THẠO ĐƯỢC



**THÀNH PHẦN TRONG 100g SẢN PHẨM**

Thành phần chủ yếu chứa: BÚN BÀO, ĐƯỜNG, DẠO ĐẶN, NƠM, CHAI NÉ THÈM (FOS), LYPO, KEM CHAI NƠM, PHOSPHO, CHOLESTEROL, MAGI, CALCIUM, FOSPHO, SỮA SỮA, TÁO, VITAMIN C, VITAMIN B8 (BIOFID), BIPERAZIN, VITAMIN E, SIA, VITAMIN B3, KEM, VITAMIN B5, VITAMIN B2, VITAMIN B6, VITAMIN A, VITAMIN B7, AXIT FOLIC, I-6, SELEN, BICOM, MANGAN, VITAMIN B3, VITAMIN B12, KANGEN SỮA VỊ HƯƠNG VAN ĐƯƠNG TRONG SẢN PHẨM.

**ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG**

Sản phẩm dành cho người già, người từ 18 tuổi trở lên, bệnh tiểu đường, tiền đái tháo đường.

**THỜI HẠN SỬ DỤNG**

24 tháng kể từ ngày sản xuất.  
- Mọi ý kiến thắc mắc xin liên hệ chúng tôi qua số hotline.

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

Chỉ pha nước sôi, thêm sữa bột vào nước.  
1. Rửa sạch cốc đựng sữa và thìa dùng để khuấy.  
2. Thêm sữa bột vào cốc đựng sữa.  
3. Thêm sữa bột vào cốc đựng sữa.  
4. Khuấy đều để sữa hòa tan.

**CHỖ PHÂN PHỐI CHÍNH**

**CÔNG TY TNHH MTV SUNFOOD**  
ĐC: 50 RÔ ĐƯỜNG VĨNH HƯỚNG PHỐ THẠNH  
TP. CẦN LŨN ĐÔNG THÁP

Hedice CODE: 624.544 / 0785.525.838

Trang web: [www.sunfood.com.vn](http://www.sunfood.com.vn)  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC M.S.D.N:0108117821-C.T.C.P**  
ĐC: 160 ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG SÁI LŨN, TP. THẠO ĐƯỢC  
ĐC: 200 ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG SÁI LŨN, TP. THẠO ĐƯỢC

**BẢNG HƯỚNG DẪN PHA**



**ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG**

Lượng bột (mg)	Lượng nước (ml)	Thời gian chờ (phút)
100	100	10

Chỉ pha vừa đủ cho mỗi lần dùng, phần còn lại sau 1 giờ nên bỏ đi.

**BẢO QUẢN**

Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh.

**SỐ ĐƠN VỊ**

Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem ở đáy hộp



BN: 230630-004/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2306875

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Analytical Results



VILAS 943

Tên mẫu / Sample name : Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt PREMIUM Wegold milk DIABETS  
Dành cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường  
Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC  
Địa chỉ / Address : Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên  
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu dạng bột đựng trong bao bì kín  
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt PREMIUM Wegold milk DIABETS  
Dành cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường

Số lượng mẫu / Number of sample: 01

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 30/06/2023

Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery: 10/07/2023

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2306875	Arsen (As) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M <sub>1</sub>	KPH	0.025	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Aflatoxin B <sub>1</sub>	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Patulin	KPH	1.0	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Fumonisin	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018



BN: 230630-004/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2306875

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
*Analytical Results*

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2306875	Melamin	KPH	1.0	mg/kg	Ref. TCVN 9048-2012
	<i>Listeria monocytogenes</i>	KPH	-	/25g	ISO 11290-1:2017
	<i>Salmonella</i> spp. <sup>(*)</sup> (b)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017
	<i>Cronobacter sakazakii</i>	KPH	-	/25g	TCVN 7850:2018
	<i>Enterobacteriaceae</i> <sup>(*)</sup> (b)	<10	-	CFU/g	ISO 21528-2:2017
	<i>Staphylococci</i> dương tính <i>coagulase</i> <sup>(*)</sup> (b)	<10	-	CFU/g	TCVN 4830-1:2005
	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> ( <i>Staphylococcal Enterotoxin</i> )	KPH	-	/25g	TCVN 9582: 2013

**Ghi chú/Note :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên /The results only valid for the sample encoded as above
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / The results shall not be reproduced except in full , without the written approval of the director
- (\*) Phương pháp được Vilas công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation ( VILAS)
- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / The parameters tested by sub-contractor
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / Lab approved by Ministry of Health
- LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection. KPH : Không phát hiện / Not detected
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/According to the test method, the result of microbiology is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 MPN/g hoặc MPN/ml nghĩa là không có phản ứng cho thấy sự phát triển của vi sinh vật đích trong môi trường nuôi cấy /According to the test method, the result of microbiology is expressed 0 MPN/g or MPN/ml as there is not reaction indicated growth of target microorganism in culture medium.
- Đối với chất lượng của nước, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 nghĩa là không có phát hiện khuẩn lạc trong thể tích mẫu được phân tích / Water quality, the result of microbiology is expressed 0 as not detected colony in the sample volume tested.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of laboratory



ThS. Nguyễn Thanh Tân

BM15.05a/BH01/1.2016

